



你是吃米饭还是吃面包?



NAME:

NO:

tóuténg
头疼

shuā yá
刷牙

xǐ liǎn
洗脸

hē niú nǎi
喝牛奶

chī miànbāo
吃面包

dù zǐ téng
肚子疼





MATCHING



舒服

zǎo fàn

电话

shū fu

请假

fàng xué

早饭

diàn huà

放学

qǐng jià